

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2023

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Ngải.

Ông Trần Anh Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dư – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tính – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 400/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Lâm Trúc G, sinh năm: 1992 (*Có mặt*).

Địa chỉ: ấp NLB, xã BP, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông Trần Quang Quảng Đ, sinh năm: 1985 (*Vắng mặt không lý do*).

Địa chỉ: ấp A, xã AT, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 29-3-2023, bản tự khai ngày 28-4-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Lâm Trúc G trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Quang Quảng Đ đi đến hôn nhân do tự tìm hiểu quen biết nhau, được cha mẹ hai bên chấp nhận, làm lễ cưới vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BP vào ngày 18-4-2018. Nữ trang cưới tổng cộng có 09 chỉ vàng 24K gồm một đôi bông tai, một sợi dây chuyền, một tấm lắc đeo tay (trọng lượng từng loại nay do lâu quá bà không nhớ) và quá trình chung sống bà thống nhất giao hết số vàng cưới cho ông Đ quản lý cho đến nay. Sau ngày cưới, thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến khoảng đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Và vợ chồng đã tự sống ly thân nhau từ

tháng 11 năm 2021 đến nay. Trong thời gian ly thân, mặc dù được hai bên đình động viên, nhưng bà với ông Đ vẫn không hàn gắn được. Nay do tình cảm vợ chồng không còn, nên bà khởi kiện xin được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Trần Quang Quảng Đ chỉ có 01 người con chung là cháu Trần Lâm Đắc D - sinh ngày 26-4-2020, từ nhỏ đến nay con chung do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Thời gian bà và ông Đ ly thân thì con chung vẫn sống chung với bà. Khi ly hôn, theo đơn khởi kiện bà yêu cầu được quyền nuôi con, yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi; Quá trình giải quyết vụ án, bà thay đổi phần yêu cầu này là yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Đối với vàng nữ trang cưới bà không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, giao ông Đ tiếp tục quản lý. Ngoài ra, bà xác định bà với ông Đienne quá trình chung sống không tạo lập thêm tài sản chung gì khác.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà xác định bà với ông Đ không nợ chung của ai, cũng không ai nợ chung của bà với ông Đienne, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài những giấy tờ đã nộp có trong hồ sơ vụ án, bà xác định không nộp thêm chứng cứ mới để Tòa án xem xét, không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Lâm Trúc G có mặt giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Đ, giữ nguyên yêu cầu được quyền nuôi con và tự nguyện thay đổi tiếp phần yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con là nay bà yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi, các vấn đề khác bà giữ nguyên lời đã trình bày.

** Đối với bị đơn ông Trần Quang Quảng Đ:* Từ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo đầy đủ các văn bản tố tụng, nhưng ông Đ đều vắng mặt không lý do, nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Qua xác minh với người thân của ông Đ và với chính quyền địa phương ấp A, xã AT cho biết từ trước đến nay ông Đ có hộ khẩu thường trú và có sinh sống cùng nhà với cha mẹ là ông Trần Quang H, bà Nguyễn Thị V tại ấp A, xã AT, huyện C, tỉnh Trà Vinh, hiện nay do ông Đ đi làm thuê ở xa nên ít khi có mặt ở nhà; Người thân của ông Đ xác nhận có giao các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho ông Đ để ông Đ biết và liên hệ đến Tòa để giải quyết vụ án ly hôn với bà Nguyễn Lâm Trúc G, nhưng do ông Đ còn thương vợ nên không chịu đến Tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Đ đến tham dự phiên tòa xét xử vụ án lần thứ hai, nhưng ông Đ tiếp tục vắng mặt, không có lời khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ

sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Đối với bị đơn còn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 54, 56, 58, 81, 82, 83, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Lâm Trúc G: Cho bà G được ly hôn với ông Trần Quang Quảng Đ; Về con chung là Trần Lâm Đắc D - sinh ngày 26-4-2020 giao cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng, do ông Đ không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức bà G yêu cầu 1.000.000 đồng/tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này; Về tài sản chung: Bà G không tranh chấp; Về nợ chung: Bà G xác định không có; Đối với ông Đ không có ý kiến trình bày, nên chưa có cơ sở xem xét giải quyết. Ngoài ra, Vị đề nghị nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Trần Quang Quảng Đ là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án nhân dân huyện C thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập nhiều lần đến tham dự các phiên làm việc tại Tòa, nhưng ông Đ đều vắng mặt không lý do. Ngày 07-7-2023, Tòa án triệu tập họp lệ ông Đ đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông Đ vắng mặt không lý do. Ngày 24-7-2023, Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai đối với ông Đ để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Đ.

[2] *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Lâm Trúc G và ông Trần Quang Quảng Đ làm lễ cưới vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BP vào ngày 18-4-2018, nên hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc cho đến năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do những bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, thiếu sự quan tâm,

chăm sóc, tin tưởng lẫn nhau, dẫn đến ông bà tự ý sống ly thân nhau từ tháng 11 năm 2021 cho đến hôm nay mà không hàn gắn lại được. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân của vợ chồng đến nay đã gần 02 năm, nên bà G cương quyết xin được ly hôn với ông Đ. Đối với ông Đ biết việc bà G xin ly hôn với ông, được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên đối chất,... nhưng ông Đ vẫn không đến Tòa, không ý kiến, không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh khả năng hàn gắn hôn nhân hạnh phúc giữa ông với bà G. Thông qua người thân, mặc dù ông Đ có nêu ý kiến không muốn ly hôn với bà G, nhưng ông Đ không quan tâm, cố ý vắng mặt khi Tòa án triệu tập đến dự các phiên hòa giải đoàn tụ.

[3] Theo các Biên bản tiếp xúc, Biên bản xác minh các ngày 05-6-2023, 20-6-2023 của Tòa án với chính quyền địa phương ấp A, xã AT, với người thân của ông Đ cho biết: Sau ngày cưới, bà G, ông Đ có thời gian sống chung bên quê của ông Đ tại ấp A, xã AT, huyện C, về mâu thuẫn cụ thể trong cuộc sống chung giữa ông bà thì người thân của ông Đ và chính quyền địa phương không nắm được, nhưng thống nhất xác định bà G đã bỏ đi khỏi nhà chồng vài năm nay mà không quay về. Về tài sản chung hay nợ chung thì tại địa phương ấp A, xã AT không ai tranh chấp hay khiếu nại gì đối với bà G, ông Đ. Họ cùng đề nghị Tòa xem xét giải quyết việc bà G xin ly hôn với ông Đ theo quy định pháp luật.

[4] Tòa án đã tiến hành mời hòa giải vào các ngày 28-4-2023, 13-6-2023 để bà G, ông Đ có cơ hội gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng ông Đ đều vắng mặt không lý do. Chứng tỏ ông Đ không mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà G.

[5] Xét thấy gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Do đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Bà G, ông Đ xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2018, thời gian chung sống hạnh phúc cho đến năm 2021 mới phát sinh mâu thuẫn. Đáng lẽ ra, quá trình sống chung, có những lúc chưa thống nhất về quan điểm cuộc sống, về cách ứng xử giao tiếp với nhau, thì ông bà phải biết tự điều chỉnh hành vi bản thân, xử sự cho có lý, có tình, cùng góp ý, tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề phát sinh trong cuộc sống hôn nhân một cách tốt đẹp nhất, để bảo vệ hạnh phúc gia đình. Nhưng khi bất hòa xảy ra, vợ, chồng không kiềm chế được hành vi và cách cư xử của bản thân, dẫn đến cự cãi, tự ý sống ly thân nhau làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và dần mất đi. Và trong thời gian sống ly thân vừa qua, ông bà vẫn không thể hàn gắn lại hôn nhân.

[6] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;*

cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, ... ”, nhưng bà G, ông Đ đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau. Hiện tại, ông bà mỗi người mỗi việc, sống ở hai nơi khác nhau, không còn quan tâm, cũng không liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[7] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng bà Giang, ông Điền đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Lâm Trúc G là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nên Tòa án chấp nhận yêu cầu, cho bà G được ly hôn với ông Trần Quang Quảng Đ.

[8] *Về con chung:* Bà Nguyễn Lâm Trúc G và ông Trần Quang Quảng Đ có 01 người con chung tên Trần Lâm Đắc D - sinh ngày 26-4-2020. Qua tiếp xúc, xác minh làm rõ của Tòa án tại các Biên bản lập vào ngày 05-6-2023, 20-6-2023 với chính quyền địa phương, với người thân của ông Đ thì từ trước nay cháu D sống chung với mẹ, kể cả thời gian bà G, ông Đ sống ly thân thì con chung vẫn do bà G trực tiếp chăm sóc. Đối với ông Đ không có ý kiến trình bày về con chung, không cung cấp chứng cứ chứng minh về quyền nuôi con, nên không có cơ sở để Tòa án xem xét. Vì vậy, cần xử giao con chung cho bà G được quyền nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

[9] Xét phần yêu cầu của bà G về việc yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con: Do bà G không cung cấp được chứng cứ chứng minh thu nhập ngày công lao động của ông Đ; Đối với ông Đ không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án xem xét. Qua tiếp xúc với người thân của ông Đ cho rằng do ông Đ đi làm thuê, không có thu nhập ổn định nên không thể cấp dưỡng nuôi con. Nhưng theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình là *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*, tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình quy định *“Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên,...”* và tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình quy định *“Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”*. Nên mặc dù không xác định được mức thu nhập của ông Đ, nhưng do ông Đ không trực tiếp nuôi con, nên ông Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không phụ thuộc vào việc ông Đ có hay không có việc làm ổn định. Về mức tiền cấp dưỡng nuôi con pháp luật quy định cần phải đảm bảo được nhu cầu thiết yếu của con (như ăn, uống, mặc, ở, học hành,...). Tại phiên tòa, bà G thay đổi phần yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét việc thay đổi yêu cầu này của bà G là tự nguyện và mức tiền bà G yêu cầu là đảm bảo, phù hợp luật định, nên có cơ sở chấp nhận. Cần buộc ông Đ phải có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng, tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[10] *Về tài sản chung*: Tòa án đã giải thích theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đối với bà Nguyễn Lâm Trúc G xác định không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết; Đối với ông Trần Quang Quảng Đ không có ý kiến trình bày, không tranh chấp, không cung cấp chứng cứ gì, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[11] *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Bà Nguyễn Lâm Trúc G xác định không nợ ai, không ai nợ chung của bà và ông Trần Quang Quảng Đ, nên không yêu cầu giải quyết; Đối với ông Đ không có ý kiến trình bày, không tranh chấp, không cung cấp chứng cứ gì, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[12] *Về án phí sơ thẩm*: Bà Nguyễn Lâm Trúc G có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân sơ thẩm; Ông Trần Quang Quảng Đ có nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[13] Xét quan điểm của Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Lâm Trúc G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Lâm Trúc G được ly hôn với ông Trần Quang Quảng Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Lâm Đắc D, sinh ngày 26-4-2020 cho bà Nguyễn Lâm Trúc G tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Trần Quang Quảng Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Lâm Đắc D, cụ thể là:

- Mức cấp dưỡng: 1.000.000đ/tháng (Một triệu đồng trên một tháng).
- Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng cấp dưỡng một lần.
- Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Lâm Trúc G và ông Trần Quang Quảng Đ chưa có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Lâm Trúc G và ông Trần Quang Quảng Đ không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Lâm Trúc G phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0013859 ngày 29-3-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Buộc ông Trần Quang Quảng Đ phải nộp tiền án phí sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã BP;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo